

Số: /QĐ-TTĐTĐTTM

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 15 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về việc Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố các Thông tư tiếp tục có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu có hiệu lực thi hành;

Căn cứ Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Ninh Bình quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Thương mại tỉnh Ninh Bình;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đấu thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01 năm 2026 cho 150 thí sinh theo danh sách nêu tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng Đấu thầu có trách nhiệm đăng tải kết quả thi trên Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Điều 3. Các thí sinh đạt kỳ thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01 năm 2026 được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/3/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 105/2025/TT-BTC ngày 31/10/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01 năm 2026, Trưởng phòng Đấu thầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đồng chí Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT.LT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Huy Phong

KẾT QUẢ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN ĐẦU THẦU (LỰA CHỌN NHÀ THẦU) KỲ 01 NĂM 2026

**ĐIỂM THI: TẠI TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN TỤY
CA 1 NGÀY 18/7/2026.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTXXĐTTM ngày /7/2026 của
Trung tâm Xúc tiến đầu tư và thương mại tỉnh Ninh Bình)*

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
1	01NB.1.0001	Trần Thị Lan Anh	09/02/1996	91	
2	01NB.1.0002	Đỗ Ngọc Anh	01/10/2001	85,25	
3	01NB.1.0003	Hoàng Thị Ngọc Anh	05/08/2003	96	
4	01NB.1.0004	Nguyễn Tuấn Anh	11/05/1992	98	
5	01NB.1.0005	Nguyễn Công Ánh	18/06/1991	55,5	
6	01NB.1.0006	Trần Xuân Bách	09/12/1978	78,25	
7	01NB.1.0007	Bùi Quốc Chính	21/01/1975	80,5	
8	01NB.1.0008	Đinh Văn Chung	04/09/1977	94	
9	01NB.1.0009	Đoàn Thị Thu Cúc	26/11/1987	54,25	
10	01NB.1.0010	Nguyễn Cao Cường	03/07/1988	-	Không dự thi
11	01NB.1.0011	Lưu Mạnh Cường	28/12/1982	37,75	
12	01NB.1.0012	Nguyễn Tiến Cường	13/04/1997	-	Không dự thi
13	01NB.1.0013	Đỗ Đức Diệm	25/08/1984	47	
14	01NB.1.0014	Nguyễn Thế Dự	12/12/1984	42,5	
15	01NB.1.0015	Phạm Đại Dương	08/11/1981	87	
16	01NB.1.0016	Hoàng Tiến Đạt	08/09/1998	75,5	
17	01NB.1.0017	Vũ Minh Đức	30/12/1995	56,25	
18	01NB.1.0018	Nguyễn Thị Hương Giang	16/09/1995	48,5	
19	01NB.1.0019	Đinh Văn Giới	10/06/1969	56,25	
20	01NB.1.0020	Trần Thu Hà	14/05/2000	61,25	
21	01NB.1.0021	Nguyễn Nam Hải	28/04/1988	-	Không dự thi
22	01NB.1.0022	Vũ Ngọc Hải	08/12/1994	89,25	
23	01NB.1.0023	Đinh Thị Hải	19/03/1980	100	
24	01NB.1.0024	Trần Thị Hồng Hạnh	30/11/1984	97	
25	01NB.1.0025	Trần Thị Hoa	25/08/1989	94,75	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
26	01NB.1.0026	Trần Thị Hoa	18/01/1985	92,25	
27	01NB.1.0027	Lê Hoàng	16/09/1984	97,25	
28	01NB.1.0028	Vũ Thị Hồng	22/12/1987	97,25	
29	01NB.1.0029	Trần Anh Hợp	01/02/1983	92	
30	01NB.1.0030	Phạm Minh Huân	02/07/1979	96,75	
31	01NB.1.0031	Trương Thị Huệ	25/07/1990	100	
32	01NB.1.0032	Lê Thị Kim Huệ	02/09/1987	100	
33	01NB.1.0033	Nhữ Đăng Vũ Hùng	10/10/1992	74	
34	01NB.1.0034	Dương Xuân Huy	18/04/1975	83,5	
35	01NB.1.0035	Đỗ Khánh Huyền	03/01/1998	85	
36	01NB.1.0036	Bùi Thị Huyền	08/08/1992	93	
37	01NB.1.0037	Lê Thị Huyền	15/05/1996	86	
38	01NB.1.0038	Khổng Thu Huyền	08/11/2002	80,25	
39	01NB.1.0039	Phạm Văn Huyền	12/07/2001	66,75	
40	01NB.1.0040	Trần Duy Hưng	22/01/1984	95,75	
41	01NB.1.0041	Nguyễn Thị Bích Hương	08/10/1990	91,75	
42	01NB.1.0042	Vũ Văn Khánh	01/04/1983	97,25	
43	01NB.1.0043	Dương Phú Khánh	25/09/1983	60,5	
44	01NB.1.0044	Nguyễn Thị Liên	06/05/1999	86,75	
45	01NB.1.0045	Đinh Đức Linh	12/05/1993	97,25	
46	01NB.1.0046	Đinh Quang Linh	25/10/1998	89,25	
47	01NB.1.0047	Đinh Thị Hải Linh	17/06/2001	97,25	
48	01NB.1.0048	Đinh Quang Lục	26/10/1988	100	
49	01NB.1.0049	Trần Bá Minh	20/08/1982	95,75	
50	01NB.1.0050	Trần Bình Minh	03/12/2003	95,25	
51	01NB.1.0051	Hoàng Nam	04/04/1991	89	
52	01NB.1.0052	Đỗ Thị Hồng Ngát	11/10/1996	78	
53	01NB.1.0053	Đinh Vũ Thảo Ngân	22/05/2002	86,5	
54	01NB.1.0054	Vũ Quý Nhân	01/04/1984	91,75	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
55	01NB.1.0055	Đỗ Văn Nhị	12/03/1981	85,5	
56	01NB.1.0056	Dương Thị Ninh	21/11/1988	88	
57	01NB.1.0057	Đinh Văn Ninh	16/03/1992	85,5	
58	01NB.1.0058	Nguyễn Thị Oanh	06/11/2002	86	
59	01NB.1.0059	Trần Hữu Phú	02/02/1996	78,75	
60	01NB.1.0060	Đặng Hồng Phúc	06/04/1983	63,75	
61	01NB.1.0061	Điền Minh Phụng	03/12/2001	80,75	
62	01NB.1.0062	Lê Thị Phụng	04/08/1985	72,25	
63	01NB.1.0063	Phạm Thị Sáng	03/04/1984	72,5	
64	01NB.1.0064	Phạm Văn Sơn	02/06/1974	-	Không dự thi
65	01NB.1.0065	Phạm Ngọc Tài	15/05/1972	79,25	
66	01NB.1.0066	Ngô Thị Thanh Tâm	19/05/2002	67	
67	01NB.1.0067	Nguyễn Thị Thanh Tâm	25/09/1975	82	
68	01NB.1.0068	Vũ Xuân Thái	01/06/1987	59,25	
69	01NB.1.0069	Bùi Xuân Thành	14/05/1980	92,75	
70	01NB.1.0070	Vũ Tài Thiên	02/01/1998	86,25	
71	01NB.1.0071	Đoàn Thị Thơm	14/03/1994	100	
72	01NB.1.0072	Vũ Thị Thơm	21/04/2001	69,75	
73	01NB.1.0073	Hà Thị Thu	08/09/1986	75,5	
74	01NB.1.0074	Lê Thị Thuỷ	01/12/1985	61,25	
75	01NB.1.0075	Nguyễn Xuân Tĩnh	15/06/1986	64	
76	01NB.1.0076	Nguyễn Thị Thu Trang	20/03/1984	91,5	
77	01NB.1.0077	Đỗ Thị Trinh	08/10/1984	89	
78	01NB.1.0078	Nguyễn Xuân Trường	06/08/1993	98	
79	01NB.1.0079	Nguyễn Văn Tùng	10/05/1990	94	
80	01NB.1.0080	Hoàng Văn Tùng	11/02/1989	77	
81	01NB.1.0081	Nguyễn Thị Vui	14/03/1991	96,75	
82	01NB.1.0082	Nguyễn Thị Hồng Xâm	03/05/1973	68,75	
83	01NB.1.0083	Phạm Hải Yên	23/10/1988	78	

QUẢ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN ĐẦU THẦU (LỰA CHỌN NHÀ THẦU) KỲ 01 NĂM 2026

**ĐIỂM THI: TẠI TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN TỤY
CA 2 NGÀY 18/7/2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTXXĐTTM ngày /7/2026 của
Trung tâm Xúc tiến đầu tư và thương mại tỉnh Ninh Bình)*

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
1	01NB.2.0001	Phan Huyền Anh	01/11/2004	72	
2	01NB.2.0002	Nguyễn Thị Lan Anh	06/06/1993	87,5	
3	01NB.2.0003	Phạm Minh Anh	06/08/2001	65,25	
4	01NB.2.0004	Lê Quốc Anh	03/10/2001	59,75	
5	01NB.2.0005	Trần Xuân Bách	10/11/1996	-	Không dự thi
6	01NB.2.0006	Nguyễn Thị Cẩm	12/12/1976	83,25	
7	01NB.2.0007	Trương Văn Chính	10/05/1978	88,5	
8	01NB.2.0008	Vũ Ngọc Cường	06/03/1979	-	Không dự thi
9	01NB.2.0009	Nguyễn Thiện Dũng	05/07/1981	89	
10	01NB.2.0010	Cao Văn Dũng	07/07/1982	71,75	
11	01NB.2.0011	Nguyễn Bình Dương	12/08/1984	87,75	
12	01NB.2.0012	Hoàng Văn Đăng	07/02/1986	92,25	
13	01NB.2.0013	Hoàng Phương Đông	22/04/1983	79	
14	01NB.2.0014	Trương Quang Đông	26/04/1996	64,5	
15	01NB.2.0015	Phạm Sỹ Đông	24/03/1985	60	
16	01NB.2.0016	Võ Thị Thái Hà	09/06/1983	76	
17	01NB.2.0017	Vũ Thị Mỹ Hạnh	30/11/1986	66,25	
18	01NB.2.0018	Nguyễn Thị Hiệp	02/11/1981	89,25	
19	01NB.2.0019	Trần Đức Hiếu	10/12/1988	63,25	
20	01NB.2.0020	Lâm Vũ Hoàng	01/12/1991	90,75	
21	01NB.2.0021	Nguyễn Đức Hùng	10/10/1975	73,25	
22	01NB.2.0022	Trịnh Quang Huy	05/12/1993	76,5	
23	01NB.2.0023	Đỗ Thị Diệu Huyền	30/03/1977	82,5	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
24	01NB.2.0024	Nguyễn Thế Huỳnh	10/06/1997	71	
25	01NB.2.0025	Lương Mạnh Kiên	09/12/1985	91,25	
26	01NB.2.0026	Phạm Trung Kiên	19/04/1985	91,75	
27	01NB.2.0027	Nguyễn Xuân Lam	22/11/1983	95,75	
28	01NB.2.0028	Lại Thị Lan	12/07/1981	98,75	
29	01NB.2.0029	Nguyễn Tùng Lâm	20/01/1995	85	
30	01NB.2.0030	Phạm Ngọc Liên	19/08/1982	98,75	
31	01NB.2.0031	Nguyễn Khánh Linh	21/03/2003	87,75	
32	01NB.2.0032	Vũ Ngọc Linh	15/11/1986	98,5	
33	01NB.2.0033	Phạm Phương Linh	14/11/2003	82	
34	01NB.2.0034	Phạm Thùy Linh	11/11/1990	97,25	
35	01NB.2.0035	Trần Huy Lực	08/08/1980	84,25	
36	01NB.2.0036	Tạ Ngọc Lương	11/08/1992	84,5	
37	01NB.2.0037	Lê Thị Mai	27/05/1989	79,75	
38	01NB.2.0038	Đàm Tiến Mạnh	14/06/1991	62	
39	01NB.2.0039	Trần Ngọc Minh	19/12/1982	98,5	
40	01NB.2.0040	Đinh Quang Minh	08/06/1998	94	
41	01NB.2.0041	Đặng Văn Minh	14/12/1980	83	
42	01NB.2.0042	Vũ Thị Mùi	01/05/1991	98,75	
43	01NB.2.0043	Hồ Đức Nam	08/06/1978	92,75	
44	01NB.2.0044	Nguyễn Ngọc Nam	11/04/1992	98,75	
45	01NB.2.0045	Cao Thị Minh Nga	26/04/1990	97,25	
46	01NB.2.0046	Trần Thị Ngọc	17/11/2001	83,75	
47	01NB.2.0047	Nguyễn Thị Thảo Nhi	11/08/2000	85,25	
48	01NB.2.0048	Trịnh Thị Yến Nhi	30/12/2001	71	
49	01NB.2.0049	Lê Thị Nhung	15/08/1986	81,25	
50	01NB.2.0050	Lê Quý Phúc	01/06/1974	89,75	
51	01NB.2.0051	Đỗ Văn Phúc	02/01/2003	45,75	
52	01NB.2.0052	Phạm Đức Phương	16/11/2002	58,75	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm	Ghi chú
53	01NB.2.0053	Phạm Văn Tài	14/09/1985	95,75	
54	01NB.2.0054	Nguyễn Duy Tân	23/07/1999	93,25	
55	01NB.2.0055	Đoàn Thị Phương Thảo	25/09/1980	85,75	
56	01NB.2.0056	Vũ Viết Thiện	29/04/1977	82,5	
57	01NB.2.0057	Hoàng Phúc Thọ	04/01/1996	69,5	
58	01NB.2.0058	Nguyễn Thanh Thuận	27/10/1972	77,75	
59	01NB.2.0059	Nguyễn Thị Thuý	28/04/1990	67,25	
60	01NB.2.0060	Đỗ Thu Trang	12/10/1986	81,75	
61	01NB.2.0061	Vũ Văn Tuấn	12/08/1987	63,25	
62	01NB.2.0062	Nguyễn Quý Tuấn	25/11/1984	62,25	
63	01NB.2.0063	Phạm Thanh Tùng	08/07/1994	45,25	
64	01NB.2.0064	Lê Tiến Tường	22/01/1987	33,75	
65	01NB.2.0065	Phạm Thanh Việt	11/01/2000	54,75	
66	01NB.2.0066	Trần Quang Vĩnh	23/05/1979	78,5	
67	01NB.2.0067	Nguyễn Thị Thanh Xuân	02/07/1983	98,75	